TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN NGÀY 25.05.2019

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại
1	KT	16001065	Lê Trung	An	22/04/1998	Quảng Ngãi	4.5	3	7.5	4.5	**5.1**	**4.9**	Không đạt
2	KT	17001605	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	26/04/1984	Quảng Ngãi	5	5	9	5	**6.6**	**6.1**	Đạt
3	KT	17000015	Bùi Trọng	Ân	06/06/1999	Quảng Ngãi	5.5	6	6	5	**5.8**	**5.7**	Đạt
4	KT	17001555	Lê Công	Bền	20/08/1980	Thanh Hóa	5	9	6	9	**7.8**	**7.0**	Đạt
5	KT	17001105	Đặng Quốc	Bảo	01/07/1998	Phú Yên	4	2.5	5	1	**3.2**	**3.4**	Không đạt
6	KT	17001955	Bùi Quốc	Chinh	02/06/1994	Hà Tĩnh	6	5	5	7.5	**5.5**	**5.7**	Đạt
7	KT	17001635	Hà Thị	Chung	14/04/1991	Quảng Ngãi	5	4.5	8	8	**6.6**	**6.1**	Đạt
8	KT	17001645	Lê Thạc	Công	18/07/1987	Nghệ An	5	8	8	8	**8.0**	**7.1**	Đạt
9	KT	16000065	Võ Đình	Công	19/05/1998	Quảng Ngãi	5.5	5	7	9	**6.6**	**6.3**	Đạt
10	KT	17000545	Đặng Ngọc	Danh	26/03/1999	Bình Định	6.5	6.5	7	5	**6.4**	**6.4**	Đạt
11	KT	HV0000615	Từ Kim	Dung	11/12/1985	Quảng Ngãi	6.25	9	9.5	10	**9.4**	**8.5**	Đạt
12	KT	17001535	Lê Thị	Đào	23/03/1985	Quảng Ngãi	6	9	9	9.5	**9.1**	**8.2**	Đạt
13	KT	17000675	Cao Biểu	Đoan	01/01/1999	Quảng Ngãi	5.25	4.5	6	8	**5.8**	**5.6**	Đạt
14	KT	17001855	Ngô Xuân	Đương	03/07/1991	Quảng Trị	5	5	5	8	**5.6**	**5.4**	Đạt
15	KT	17000845	Trương Vũ	Hải	14/07/1999	Quảng Nam	5	9	6	4.5	**6.9**	**6.3**	Đạt
16	KT	17001615	Huỳnh Thị Mỹ	Huệ	02/09/1985	Quảng Ngãi	5	7.5	9.5	9	**8.6**	**7.5**	Đạt
17	KT	17001625	Huỳnh Công	Huy	20/06/1991	Quảng Ngãi	5	6.5	9.5	8	**8.0**	**7.1**	Đạt
18	KT	17001815	Nguyễn Văn Nhật	Huy	29/01/1991	Quảng Nam	6.25	7	8.5	9	**8.0**	**7.5**	Đạt
19	KT	17001545	Huỳnh Tấn	Hưng	10/02/1986	Quảng Ngãi	6	8	9.5	9.5	**8.9**	**8.0**	Đạt
20	KT	17001785	Trần Văn	Hoan	24/04/1986	Hà Tĩnh	5	3	9.5	4.5	**5.9**	**5.6**	Đạt
21	KT	16000715	Lý Hữu	Hoàn	08/03/1998	Bình Định	5.25	8	9.5	9.5	**8.9**	**7.8**	Đạt
22	KT	17001495	Nguyễn Tấn	Hoàng	21/08/1997	Quảng Ngãi	3.5	6	6.5	5.5	**6.1**	**5.3**	Không đạt
23	KT	17001825	Nguyễn Đức	Hoài	30/03/1990	Hà Tĩnh	7.25	5	7	5	**5.8**	**6.2**	Đạt
24	KT	17000265	Huỳnh Công	Hữu	14/02/1999	Quảng Nam	6.5	4.5	8	5	**6.0**	**6.2**	Đạt
25	KT	16001295	Huỳnh Ngọc	Kính	21/02/1992	Quảng Ngãi	5	4.5	2	2	**3.0**	**3.6**	Không đạt
26	KT	17001835	Nguyễn Tiến	Lâm	02/01/1992	Hà Tĩnh	6.25	9	8	9.5	**8.7**	**8.0**	Đạt
27	KT	17001895	Trương Thị Trúc	Linh	19/06/1984	Quảng Ngãi	5.25	8	7.5	8	**7.8**	**7.0**	Đạt
28	KT	16000275	Võ Thành	Lộc	24/01/1998	Quảng Ngãi	5	6	6.5	4.5	**5.9**	**5.6**	Đạt
29	KT	17000875	Lê Đức	Luận	28/02/1997	Quảng Ngãi					**0.0**	**0.0**	Không đạt
30	KT	17001875	Trần Quang	Lượng	01/03/1986	Thừa Thiên Hu	5	5	5	5	**5.0**	**5.0**	Đạt
31	KT	17001775	Võ	Mận	01/07/1986	Quảng Ngãi	6.25	6.5	5.5	4.5	**5.7**	**5.9**	Đạt
32	KT	17001695	Nguyễn Thị Thu	Nhi	20/03/1985	Quảng Ngãi	5.25	5.5	6.5	5	**5.8**	**5.6**	Đạt
33	KT	17001655	Trương Thị Hồng	Ngoan	17/10/1985	Quảng Ngãi	6.75	6	7.5	5.5	**6.5**	**6.6**	Đạt

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại
34	KT	17001865	Bùi Đức	Ngọc	14/05/1985	Quảng Ngãi	6	4.5	5.5	7	**5.4**	**5.6**	Đạt
35	KT	17001525	Nguyễn Hữu	Nữa	20/05/1986	Quảng Ngãi	5.25	6.5	8	5	**6.8**	**6.3**	Đạt
36	KT	17001845	Nguyễn Đình	Phi	06/03/1990	Nghệ An	5.5	5	5	5.5	**5.1**	**5.2**	Đạt
37	KT	17001765	Nguyễn Tiệp	Phi	15/01/1992	P.Hồ Chí Min	5	4.5	6	6	**5.4**	**5.3**	Đạt
38	KT	17000035	Nguyễn Tấn	Phước	26/05/1999	Quảng Ngãi	5	5.5	5	5	**5.2**	**5.1**	Đạt
39	KT	17001145	Đào Duy	Phương	07/06/1999	Quảng Ngãi	5.5	2	0	1	**1.0**	**2.4**	Không đạt
40	KT	16000155	Phan Thế	Phong	29/12/1998	Đà Nẵng	5.25	5	5.5	6	**5.4**	**5.4**	Đạt
41	KT	17001795	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	13/10/1984	Hưng Yên	7	5.5	5.5	6	**6.0**	**6.3**	Đạt
42	KT	17001755	Hồ Bá	Quân	10/08/1984	Nghệ An	5.75	5.5	5.5	5.5	**5.5**	**5.6**	Đạt
43	KT	17000185	Võ Đình	Sang	21/11/1999	Quảng Ngãi	5.25	5.5	4.5	6	**5.2**	**5.2**	Đạt
44	KT	17001805	Ngô Thiên	Sinh	03/09/1983	Nam Định	6	7.5	9	9	**8.4**	**7.7**	Đạt
45	KT	17000505	Lê Nguyên	Sính	19/02/1998	Quảng Ngãi	6	7.5	6	5.5	**6.5**	**6.4**	Đạt
46	KT	17000085	Trần Thanh	Tâm	08/08/1998	Quảng Ngãi	5.5	7	9	8	**8.0**	**7.3**	Đạt
47	KT	17000575	Nguyễn Văn	Tấn	19/08/1999	Quảng Nam	6.75	7	6	9	**7.0**	**6.9**	Đạt
48	KT	17001325	Đinh Công	Tánh	07/01/1999	Quảng Ngãi	5.5	7	6	8	**6.8**	**6.4**	Đạt
49	KT	17001885	Trương Minh	Thái	15/03/1985	Quảng Ngãi	6.5	8.5	7	9	**8.0**	**7.6**	Đạt
50	KT	17001575	Võ Thị	Thạo	06/07/1984	Quảng Ngãi	5.75	8	9	10	**8.8**	**7.9**	Đạt
51	KT	17001565	Nguyễn Thị	Thủy	01/01/1987	Quảng Nam	5.75	8.5	9	10	**9.0**	**8.0**	Đạt
52	KT	16000145	Nguyễn Minh	Trị	20/04/1998	Quảng Nam	5.75	7	6.5	7.5	**6.9**	**6.6**	Đạt
53	KT	17000595	Trần Hữu	Trí	26/05/1999	Bình Định	5	6	8	7	**7.0**	**6.4**	Đạt
54	KT	17001685	Nguyễn Khắc	Tiệp	04/06/1990	Đăk Lăk	6.75	9	10	6.5	**8.9**	**8.3**	Đạt
55	KT	17001055	Nguyễn Văn	Trình	20/06/1999	Quảng Ngãi	5.25	6	8	6	**6.8**	**6.3**	Đạt
56	KT	17001675	Nguyễn Văn	Trình	29/04/1993	Quảng Nam	7.25	5.5	10	8	**7.8**	**7.6**	Đạt
57	KT	17000071	Hồ Văn	Trung	26/05/1981	Quảng Ngãi	5.5	7	7	7	**7.0**	**6.6**	Đạt
58	KT	16000585	Trương Minh	Trung	17/08/1998	Bình Định	5.5	5	5	6	**5.2**	**5.3**	Đạt
59	KT	17000605	Huỳnh Bá	Trường	29/12/1999	Quảng Nam	5	4.5	7.5	6	**6.0**	**5.7**	Đạt
60	KT	17001285	Lê Anh	Tú	10/02/1999	Đăk Lăk	5.25	7	9	9	**8.2**	**7.3**	Đạt
61	KT	17000555	Từ Anh	Tuấn	08/05/1999	Quảng Ngãi	5.75	8.5	7	7	**7.6**	**7.0**	Đạt
62	KT	17001725	Hồ Thị	Vấn	20/07/1984	Quảng Ngãi	5.25	6	8	5.5	**6.7**	**6.3**	Đạt
63	KT	17000075	Phạm Tấn	Việt	04/03/1999	Quảng Ngãi	5	6.5	6	7	**6.4**	**6.0**	Đạt
64	KT	17000615	Tiêu Viết	Ý	02/09/1999	Quảng Ngãi	6.25	5	5	8	**5.6**	**5.8**	Đạt